

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YTH
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 27/8/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YTH – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngô Phiên.

Bà Nguyễn Thị Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa- Kiểm sát viên

Ngày 20/7/2020 và ngày 27/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YTh, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2020/QDDST-HNGĐ ngày 20/7/2020, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 158/TB-TA ngày 28/7/2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Th1, sinh năm 1980, (Có mặt).

Địa chỉ: Phố GiL, thị trấn BH, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1978, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phố GiL, thị trấn BH, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Trần Thị Th1 trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H1 vào ngày 02/8/2000 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BH, huyện YTh. Sau khi kết hôn chị Th1 về nhà chồng làm dâu. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng không thống nhất được về quan điểm sống, mỗi lần bàn bạc về kinh tế thì anh Nguyễn Văn H1 lại chửi mắng và đánh đập chị Th1. Sự việc như trên diễn ra nhiều lần khiến chị Th1 đã phải bỏ đi làm ăn xa. Vợ

chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th1 xin ly hôn anh H1 .

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị D1, sinh ngày 02/8/2001; cháu Nguyễn Văn H2, sinh 27/12/2003. Hiện nay cháu D1 đã trưởng thành nên chị Th1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu H2 hiện nay đang đi học và ở cùng với anh H1 , khi ly hôn chị xin được nuôi cháu Nguyễn Văn H2 và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị Th1 cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu Hải.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc, qua xác minh tại địa phương đối với ông Lê Văn Hải, trưởng Phó GiL , thị trấn BH cho biết: Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị Th1 , anh H1 ở chung với gia đình nhà chồng được một thời gian thì ra ở riêng. Cuộc sống chung vợ chồng chị Th1 , anh H1 hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2012 chị Th1 đi làm công ty và ít khi thấy chị Th1 về nhà sinh sống cùng với anh H1 , thỉnh thoảng thấy chị Th1 về qua nhà chốc lát rồi đi ngay. Từ khi chị Th1 không ở cùng với anh H1 thì hai người con chung của anh H1 , chị Th1 vẫn đang ở cùng với anh H1 .

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể: vắng mặt tại các buổi làm việc của toà án.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, đề nghị HĐXX xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Th1 ly hôn anh H1 .

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày 27/12/2003 cho anh H1 chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Th1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H1 .

- Về án phí: Chị Th1 phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện YTh nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Trần Thị Th1 và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình: Xin ly hôn, nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 có địa chỉ tại thị trấn BH , huyện YTh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YTh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh H1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt vì vậy vụ án không tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải, được mở vào các ngày 16/4/2020, 28/5/2020 anh H1 vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay anh H1 vắng mặt không lý do Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H1 .

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th1 kết hôn với anh H1 vào ngày 15/7/2000 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BH , huyện YTh . Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng không thống nhất được về quan điểm sống, mỗi lần bàn bạc về kinh tế thì anh Nguyễn Văn H1 lại chửi mắng và đánh đập chị Th1 . Sự việc như trên diễn ra nhiều lần khiến chị Th1 đã phải bỏ đi làm ăn xa. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị Th1 xin ly hôn, phía anh H1 đã được thông báo nhiều lần nhưng không có ý kiến gì phản đối và cũng không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ hòa giải. Xét thấy địa phương thị trấn BH xác định mâu thuẫn vợ chồng chị Th1, anh H1 đến nay đã

trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân thời gian đã lâu, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Th1 là có căn cứ cần chấp nhận xử cho chị Trần Thị Th1 được ly hôn anh Nguyễn Văn H1 .

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị D1, sinh ngày 02/8/2001; cháu Nguyễn Văn H2, sinh 27/12/2003. Hiện nay cháu D1 đã trưởng thành nên chị Th1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Hải hiện nay đang đi học và ở cùng với anh H1 , khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng. Xét thấy cháu Hải từ trước đến nay đang ở ổn định với anh H1 , cháu vẫn được anh H1 nuôi ăn học và phát triển khỏe mạnh bình thường. Ngoài ra, cháu Hải có nguyện vọng được ở cùng với bố khi bố mẹ ly hôn và chị Hậu cũng yêu cầu Tòa án xem xét theo nguyện vọng của cháu H2. Xét thấy anh H1 đủ khả năng, điều kiện nuôi con nên cần giao cho anh H1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là phù hợp và có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án nhân dân huyện YTh đã tiến hành thông báo các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn H1 để thể hiện các quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung, cấp dưỡng và tài sản. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn H1 cũng không có một văn bản nào thể hiện quan điểm về những nội dung trên nên không buộc chị Trần Thị Th1 phải cấp dưỡng cho cháu H2. Khi nào anh Nguyễn Văn H1 có yêu cầu về cấp dưỡng có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Sau khi ly hôn chị Th1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị Th1 thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Th1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Th1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Th1 được ly hôn anh Nguyễn Văn H1 .

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn H2, sinh ngày 27/12/2003. Sau khi ly hôn chị Th1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung không ai được cản trở chị Th1 thực hiện quyền này

Về tài sản, công nợ: Chị Th1 không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Th1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Th1 đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số AA/2014/0004617 ngày 13/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YTh .

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện YTh ;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện YTh ;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Đình Hưng